TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2024
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Thái
2. Bà Cù Thị Ngọc Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Tấn Bửu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị N, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 322, Tổ 06, ấp T H C, xã T A, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ 03, ấp M L, xã V P, huyện G T, tỉnh K G; Chỗ ở hiện nay: Số 322, Tổ 06, ấp T H C, xã T A, thị xã T C, tỉnh A G (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2024, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S sống chung với nhau vào năm 2004, hôn nhân do cha mẹ mai mối, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do do anh S thường hay nhậu về kiếm chuyện chửi mắng, ghen tuông vô cớ nên ảnh hưởng đến việc làm ăn mua bán hàng ngày của chị, anh S không quan tâm phụ giúp kinh tế trong gia

đình, mọi việc trong nhà đều do chị gánh vác, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung hay xảy ra cải vã, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng không có hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S có 02 (hai) con chung tên: Phạm Thị C N, sinh ngày 07/7/2005 (đã trưởng thành và lao động được) và Phạm Thị C T, sinh ngày 14/5/2009. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Phạm Thị C T, không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị N với anh Phạm Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Võ Thị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn S thống nhất với lời trình bày của chị Võ Thị N về điều kiện và thời gian kết hôn, cũng như mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Anh S nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh Phạm Văn S và chị Võ Thị N có hai con chung tên: Phạm Thị C N, sinh ngày 07/7/2005 (đã trưởng thành và lao động được) và Phạm Thị C T, sinh ngày 14/5/2009. Anh S đồng ý giao con chung Phạm Thị C T cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Văn S với chị Võ Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham giam gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị C T, sinh ngày 14/5/2009 cho chị Võ Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Phạm Văn S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn S có đăng ký cư trú tại: Tổ 06, ấp T H C, xã T A, thị xã T C, tỉnh A G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S sống chung với nhau vào năm 2004, hôn nhân do cha mẹ mai mối, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay xảy ra cãi vả, cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng không có hạnh phúc. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn S, anh S xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục được nữa và đồng ý ly hôn với chị N.

Xét thấy, chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S sống chung không có đăng ký kết hôn, lời khai của chị N và anh S phù hợp với biên bản xác minh ngày 27/6/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, thị xã Tân Châu về thông tin đăng ký kết hôn giữa anh Phạm Văn S và chị Võ Thị N. Do chị N và anh S thuận tình ly hôn nhưng do sống chung không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S là phù hợp.

[2] *Về con chung:* Chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S có hai con chung tên: Phạm Thị C N, sinh ngày 07/7/2005 (đã trưởng thành và lao động được) và Phạm Thị C T, sinh ngày 14/5/2009. Anh S đồng ý giao con chung Phạm Thị C T cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con chung của chị N và anh S phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyên vọng cháu Phạm Thị C T muốn được sống chung với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận việc thỏa thuận nuôi con chung của chị N và anh S là có căn cứ theo quy định tịa khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung:* Chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S thống nhất trình bày không có, do đó không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Võ Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S.

2. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Võ Thị N và anh Phạm Văn S. Chị Võ Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị C T, sinh ngày 14/5/2009 đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Phạm Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung:* Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008066 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

6. *Về quyền kháng cáo:* Chị Võ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- UBND xã Tân An;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Sang